

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /5/2023
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn.
- Nguồn số 02: Nước thải khu vực nhà bếp xử lý qua bể tách dầu mỡ.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình rửa lọc và nước rửa bể từ trạm xử lý nước mặt công suất 500 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Mương Quy Phú phía Đông cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải

- 01 vị trí xả thải ra kênh Quy Phú phía Đông cơ sở tại thôn Bách Tính, xã Nam Hồng, huyện Nam Trực.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2250737; Y(m): 577949.38 (hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực 105⁰30'; múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày và không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng hệ số K_q = 0,9; K_f = 1,1; C_{max} = C đối với các thông số pH, coliform), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)	
			C	C _{max}
1	Lưu lượng	-	-	-
2	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	99

4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	49,5
5	COD	mg/l	150	148,5
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	9,9
7	Sunfua	mg/l	0,5	0,495
8	Tổng photpho	mg/l	6	5,94
9	Tổng Nito	mg/l	40	39,6
10	Phosphat (theo P)	mg/l	10	10
11	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	50
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10
13	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	10
14	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

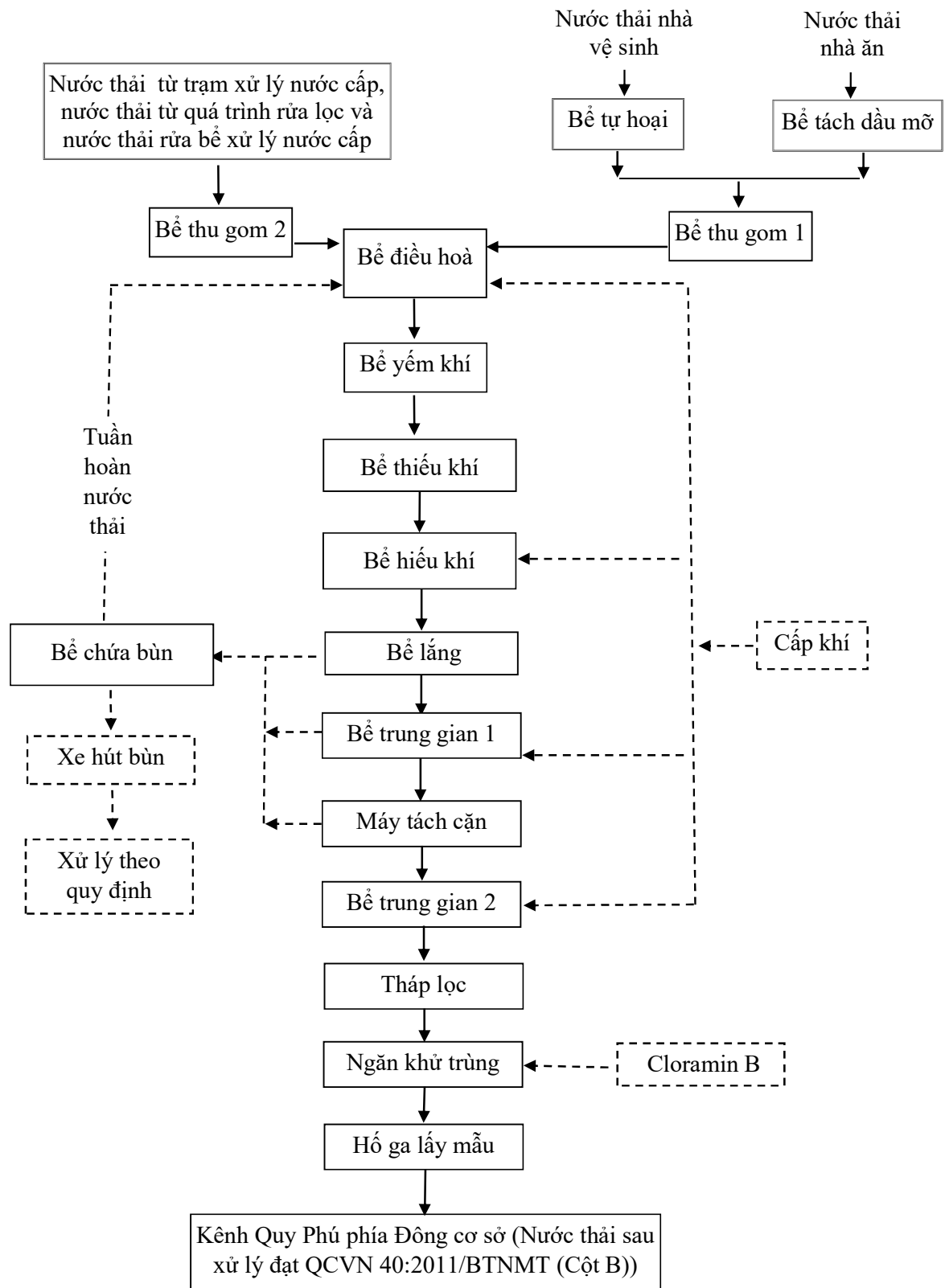
- Nước thải sinh hoạt: Nước thải khu vực nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và nước thải khu vực nhà ăn sau xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ được dẫn bằng đường ống từ D110 đến D200 về bể thu gom 1 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ trạm xử lý nước cấp, nước thải từ quá trình rửa lọc và nước rửa bể xử lý nước cấp được dẫn bằng đường ống từ D63 về bể thu gom 2 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B), tự chảy theo đường ống nhựa Φ200, dài 300 m ra kênh Quy Phú phía Đông cơ sở tại 01 cửa xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm



(Chi tiết thông số kỹ thuật của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường)

- Hóa chất sử dụng: Cloramin B với khối lượng 450 kg/năm; dưỡng chất vi sinh với khối lượng 2.000 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát trạm xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Khi trạm xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Công ty sẽ đóng van xả nước thải ra ngoài môi trường và tạm ngừng hệ thống xử lý; cử cán bộ kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) mới cho trạm xử lý hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Từ tháng 5/2023 đến tháng 8/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể điều hòa của trạm xử lý nước thải.
- 01 mẫu tại hố ga sau ngăn khử trùng, trước khi thải ra kênh Quy Phú.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong giai đoạn hoạt động ổn định (lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp): Tiến hành lấy mẫu đơn với 01 mẫu đầu vào và 03 mẫu đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần. Chủ cơ sở phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình giám sát lấy mẫu.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải ra kênh Quy Phú phía Đông cơ sở. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra ảnh hưởng tới kênh Quy Phú, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nam Trực để kịp thời xử lý./.